

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 59/2019/HS-ST
Ngày: 25-01-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.

2. Bà Nguyễn Thị Nhạn.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T; sinh ngày 12 tháng 5 năm 1983, tại tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: 26/7, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Tham gia Đảng, đoàn thể: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha Nguyễn Văn T, sinh năm 1935, Họ tên mẹ Nguyễn Thị P, sinh năm 1936; Bị cáo 08 anh chị em, là con út trong gia đình và chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/10/2018, chuyển tạm giam theo Lệnh số 529/LTG ngày 17/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. (có mặt)

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 12/10/2018, Nguyễn Đức T điều khiển xe mô tô hiệu Lever biển số 60S1- 2526 đi chơi tới đoạn đường Trương Văn H thuộc khu phố 11, phường A, thành phố B thì phát hiện chị Nguyễn Thị D đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường phí trước cùng chiều, trong túi quần sau bên phải của chị D có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 thò ra bên ngoài, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị D. Để thực hiện ý định trên, T điều khiển xe chạy áp sát phía bên phải xe chị D, dùng tay trái giật chiếc điện thoại trong túi quần của chị D rồi tăng ga bỏ chạy. Bị cướp giật tài sản chị D tri hô và chạy xe đuổi theo T. Khi T chạy đến Khu công nghiệp 2 thuộc khu phố 1, phường T, thành phố B thì chị D cùng người dân đi đường đuổi kịp bắt giữ T giao cho Công an phường A lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 màu vàng đồng là tài sản của chị Nguyễn Thị D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chị D.

- 01 xe mô tô hiệu Lever, biển số 60S1- 2526, T sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản, qua xác minh là xe của chị Nguyễn Thị Bích N (chị ruột T) giao cho T sử dụng và không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị N.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 385/TCKH-HĐĐG ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 có giá trị định giá là 4.392.000đ”

Về dân sự: chị Nguyễn Thị D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKSBH ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T với mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam.

Ý kiến của bị cáo: Không phát biểu tranh luận và không bào chữa.

Ý kiến của người bị hại: Vắng mặt.

Trong phần phát biểu lời nói sau cùng: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và hứa không tái phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 12/10/2018, tại đoạn đường Trương Văn H thuộc khu phố 11, phường A, thành phố B bị cáo Nguyễn Đức T đã có hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy A6 có giá trị định giá là 4.392.000đ của chị Nguyễn Thị D thì bị bắt giữ xử lý.

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo T tại phiên tòa với lời khai của người bị hại và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc tình tiết định khung là “dùng thủ đoạn nguy hiểm” tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tội danh và hình phạt như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã viện dẫn và truy tố.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, để cải tạo giáo dục bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy thiệt hại từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không lớn và tài sản chiếm đoạt cũng đã được thu hồi giao trả lại cho người bị hại; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo T được hưởng một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét khi lượng hình.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo qui định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) qui định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đồng đến 100.000.000đ đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp việc làm, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chị Nguyễn Thị D đã được giao trả lại tài sản, không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 màu vàng đồng trả lại cho chị D.

- 01 xe mô tô hiệu Lever, biển số 60S1- 2526, T sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản, qua xác minh là xe của chị Nguyễn Thị Bích N (chị ruột T) giao cho T sử dụng và không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị N là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội **“Cướp giật tài sản”**.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Đức T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2018.**

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật./-

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND TP. B
- Cơ quan CSĐT Công an TP.B
- T.H.A Hình sự.
- Nhà tạm giữ - CA TP.B
- Chi cục THADS TP.B
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Chi